

KHÍ CÔNG Y ĐẠO VIỆT NAM



**BÀI TẬP LÝ THUYẾT
TẬP 3**

**CÁCH LÝ LUẬN ĐỂ CHỮA
BỆNH BẰNG HUYỆT
(Biện chứng luận trị)**

ĐỖ ĐỨC NGỌC

CÁCH LÝ LUẬN ĐỂ CHỮA BỆNH:

A-TÌM NGUYÊN NHÂN VÀ CÁCH CHỮA

(Tham khảo trong tài liệu : Tìm nguyên nhân gây bệnh và Triệu chứng lâm sàng học.)

Câu 1:

Khi bệnh nhân bị nóng sốt phức tạp, chưa tìm ra nguyên nhân, hoặc do nhiều đường kính gây bệnh, phải chữa theo phương pháp nào :

- a-Chữa theo nguyên nhân.
- b-Chữa theo chứng cấp tính
- c-Chữa nhiều kinh một lúc
- d-Chữa theo huyết hàn nhiệt (vinh huyết)

Câu 2:

Cách chữa không phạm ngũ hành khi chưa tìm được nguyên nhân : bệnh mình nóng như lửa, đầu đau như búa bổ .

- a-Tả Trung xung trái và tả Mệnh môn.
- b-Tả hỏa huyết kinh tam tiêu và tam tiêu du
- c-Tả Đại lảng, bổ Phục lưu.

Câu 3:

Cách chữa không phạm ngũ hành bệnh : mình
sốt, chân lạnh .

a-Bấm Tam tiêu du, hơ bở Mệnh môn, Yêu dương
quan

b-Tả Dương phụ

c-Tả Đại lãng, bở Túc tam lý.

Câu 4 :

Cách chữa bệnh nóng sốt do đau răng.

a-Thông kích du Đại trường bên răng đau

b-Tả Túc tam lý, Nhị gian bên răng đau

c-Tả Nội đình và tả Hợp cốc bên răng đau

Câu 5 :

Cách chữa bệnh nóng đầu ngực, bồn chồn, hồi
hộp.

a-Tâm thọ tà, tả Đại lãng

b-Phế thọ tà, tả vinh huyết phế Ngự tế.

c-Đởm thọ tà, tả nó và con nó.

Câu 6:

Cách chữa bệnh nóng ở trong ngực mà không
nóng đầu.

a-Do Phế thực, tả Xích trạch

b-Do Tâm thực, tả Đại lãng

c-Do Tỳ thực, Tả Âm lãng và tả Ẩn bạch

Câu 7 :

Cách chữa bệnh nóng bức, bức bội, bồn chồn.

Chọn 3 kinh liên quan đến bệnh :

1-Nguyên nhân:

a-Can, tỳ, đờm

b-Tâm, phế, tỳ

c-Can ,phế, vị

d-Can,tỳ, vị

2-Cách chữa:

a-Tả Hành gian,Trung đô

b-Tả Thần môn, Ngư tế, Thiếu thương

c-Day Chí âm, Công tôn, Thái bạch và Giải khê

Câu 8 :

Cách chữa bệnh sốt nóng , không nói được, nằm mê man.

Nguyên nhân:

a-Do huyết nhiễm trùng

b-Do can thực

c-Do can, vị thực nhiệt

Cách chữa :

a-Làm mát máu, day Huyết hải

b-Tả Hành gian, Đại lãng

c-Tả Can,vị du.

Câu 9 :

Cách chữa bệnh nóng ngực, khát nước .

Nguyên nhân:

a-Do tiểu đường

b-Do Tỳ vị thực nhiệt

c-Do hỏa nghịch,huyết nhiệt

Cách chữa :

a-Tả Xích trạch,Đại lãng. Bỏ Phục lưu Thái khê.

b-Tả Khúc trạch

c-Tả Xích trạch,bỏ Chiếu hải.

Câu 10:

Cách chữa bệnh nóng khô miệng, thở khó, buồn bực.

Nguyên nhân:

a-Do Phế khí tắc

b-Do Phế nhiệt

c-Do Tâm thực hại phế

Cách chữa:

a-Thông phế khí : Tả Phế du

b-Tả Ngư tế

c-Tả Đại lãng

B-CÁCH CHỌN HUYỆT CÓ NHIỀU HIỆU QUẢ MÀ KHÔNG PHẠM NGŨ HÀNH.

Câu 11 :

Cách chữa chứng nóng nảy, bồn chồn, nằm không yên.

Lý luận : Nằm không yên do tỳ thực truyền sang phế thực rồi phế thừa khắc tâm mới sinh nóng nảy bồn chồn. Điền vào chỗ trống các huyết cần phải sử dụng :

Bổ phế bằng huyết :.....

Điều Xung mạch :.....

Thông phế khí :.....

Điều hòa tỳ : Tả.....,day ấn

.....,và day ấn

.....

Câu 12 :

Cách chữa bệnh nhức đầu, tứ chi nóng.

Thông Nhâm mạch :.....

Thông phế :.....

Thông Tam tiêu ở chân :.....

Điều trường phủ :,

.....

Câu 13 :

Cách chữa bệnh nóng do trúng nắng, bí tiểu.

Giải biểu dương kinh : Tả

.....

Thông Nhâm: _____

Tư thận giải biểu _____

Thông tam tiêu : _____

Điều Trung tiêu : _____

Giáng thấp nhiệt : _____,

Câu 14 :

Cách chữa bệnh nóng sốt, nhức đầu, mặt đỏ.

Điều trường phủ : _____,

Thông Nhâm : _____

Điều tâm khí : _____

Tả Đờm nhiệt tiết phong hỏa ở kinh lạc

: _____

Câu 15 :

Cách chữa bệnh nhiệt ở Vị :

Do Đờm hỏa khắc : Tả _____

Do tâm hỏa thực truyền vị :

Tả _____

Câu 16 :

Cách chữa bệnh nhiệt ở vị, ăn không tiêu, phân
loãng trong.

Mẹ thực tả con : _____

Thông thấp nhiệt hạ tiêu : _____

Câu 17:

Cách chữa nhiệt ở Tâm, ngực, làm bồn chồn.

Giáng vị khí nghịch : Tả _____

Thanh tâm hòa vị : tả _____

Câu 18 :

Cách chữa bệnh nhiệt ở trường vị .

Điều trung khí , hòa trường vị, tiêu tích trệ

Lương _____

Ôn hạ tiêu, khứ thấp trọc : _____

Thông trường hóa trệ, thanh thấp nhiệt

: _____

Câu 19:

Cách chữa bệnh nóng xót ngũ tâm .(Hai bàn tay,
hai bàn chân và chân thủy nóng rát)

Thanh nhiệt, tiết hỏa, thăng thủy

: _____

Thanh tâm bào, sơ thông tam tiêu

: _____

Giáng âm hỏa, thanh thận nhiệt

: _____

Thanh vinh, thư ngực, hòa vị

: _____

Thông lạc, tiết phế, giáng trường vị :

Câu 20 :

Cách chữa bệnh nóng kết ở lục phủ, huyết dĩ bậ

Thông uất nhiệt tam tiêu : _____

Hóa ứ thanh huyết, hòa vị : _____

Thông khí lục phủ để hành huyết : (6 du
huyết) _____,

_____.

_____.

C- TÌM HUYỆT NỘI DƯỢC TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CÁC CHỨC NĂNG NGOẠI DƯỢC

21. Phế nhiễm trùng : _____
22. Tăng bạch cầu để sát trùng : _____
23. Lương huyết, tiết can hỏa : _____
24. Bình can, tiết thấp nhiệt
: _____
25. Thông thượng tiêu, thanh tâm bào
: _____
26. Thanh huyết, giáng nghịch thượng tiêu
: _____
27. Thanh nhiệt, giải độc thượng tiêu
: _____
28. Thanh nhiệt dương kinh, bình can tức phong
: _____
29. Thông Nhâm-Đốc, tiêu nội nhiệt, điều âm dương : _____
30. Thông quan tiết, thanh nhiệt, hòa vinh trường vị
: _____
31. Điều trung khí, hòa trường tiêu trệ
: _____
32. Nhuận táo, thanh thấp nhiệt hạ tiêu
: _____
33. Thông dương kinh : _____
34. Khu phong giải biểu nhiệt : _____
35. Trục phong , thông phế, thối nhiệt
: _____.

- 36.Thanh nhiệt, tán phong thượng tiêu
:_____,'_____
- 37.Điều trung khí, hòa trường tiêu trệ
:_____
- 38.Làm cho xuất mồ hôi
:_____,'_____
- 39.Cầm không cho ra mồ hôi
:_____,'_____
- 40.Tiết nhiệt, thư cân thông lạc toàn thân
:_____
- 41.Thông tam tiêu điều thủy giải nhiệt
:_____
- 42.Trực phong hàn kinh tam tiêu
:_____
- 43.Giải tà biểu lý,thư cân
lạc:_____
- 44.Khu biểu tà lục dâm, thông khí trệ
:_____
- 45.Thanh nhiệt ,túc phong hàn nhiệt
:_____
- 46.Thăng dương trực phong
:_____
- 47.Làm mềm bàn tay, ngón tay
:_____
- 48.Tiết tả hỏa, thông khớp ở tay
:_____
- 49.Thanh nhiệt,khu phong ,giải biểu, lợi quan tiết
:_____
- 50.Lương huyết, hạ huyết nhiệt đỏ máu cam
:_____

51. Thanh tán phong nhiệt, điều trường phủ
: _____, _____
52. Trục phong nhiệt ở đầu mặt
: _____
53. Tiết giáng hỏa nghịch hại phế,
da : _____
54. Tán tà nhiệt kinh đại trường
: _____
55. Thanh tâm hỏa, tiềm hư dương, cố biểu
: _____
56. Thanh tâm bào, an thần, hòa vị, sơ tam tiêu
: _____
57. Thông tâm khí, giáng nghịch, điều trường phủ
: _____
58. Tiết phế, thanh nhiệt, giáng nghịch
: _____
59. Hóa thấp, hòa vị : _____
60. Ổn định áp huyết, tim mạch, an thần
: _____
61. Thông Đốc, trục nội nhiệt
: _____
62. Trục khí, huyết, đờm uất làm sưng tắc hầu
họng : _____
63. Tiết hỏa nghịch ở hầu họng
: _____
64. Tiêu viêm tuyến giáp : _____
65. Giải uất nhiệt tam tiêu : _____
66. Thăng thủy lợi hầu họng
: _____

67. Thanh nhiệt giải biểu
: _____
68. Tiết khí hỏa, trực phong
: _____
69. Phát biểu, giải nhiệt, thông giáng trường
vị : _____
70. Khu phong tiết nhiệt ở đầu
mặt : _____, _____
71. Ôn kinh thông hàn, lợi quan tiết
: _____
72. Hòa biểu lý, bình can, tiêu ú, lợi khí
: _____
73. Thanh hỏa, tiết thấp nhiệt hạ tiêu
: _____
74. Đề phòng suy tim
: _____, _____
75. Tiết nội nhiệt, thăng dương phù chính
: _____
76. Trị phế hư hàn nhiệt : _____
77. Tư âm thận, chế tâm hỏa, bình kim
: _____
78. Thối thận nhiệt : _____
79. Thối hư nhiệt, tư thận âm, thăng nguyên dương
: _____
80. Hòa thông hàn nhiệt trong xương tủy
: _____
81. Thông điều ngũ tạng : _____
82. Tả huyết nhiệt ngũ tạng
: _____
83. Tả hỏa tán phong các loại : _____

84. Bỏ dương

: _____, _____, _____

85. Điều hòa âm

dương: _____, _____

86. Thông khí huyết giải huyết ứ trên đầu

: _____

87. Thông thủy tích trên đầu, trị nhũn não

: _____

88. Dùng khí bỏ huyết

: _____, _____

89. Dùng huyết bỏ

khí: _____, _____

99. Tĩnh não : _____

100. Bất

lực _____, _____

_____, _____

D- ÁP DỤNG LUẬT KHÍ HÓA NGŨ HÀNH, GIẢI THÍCH

101. Tại sao ăn đường nhiều , có người bị bệnh tiểu đường, người không bị tiểu đường .

102. Tại sao ăn chua nhiều sợ loét bao tử.

103. Tại sao ăn mặn quá có người bị bệnh cao áp huyết, người không bị bệnh.

104. Tại sao ăn cay nhiều quá lại bị bón.

105. Tại sao ăn đắng nhiều, có người bị tăng nhiệt, có người cơ thể bị lạnh.

106. Tại sao uống nhiều vitamine C lại bị mất máu, chóng mặt.

107. Tại sao uống nhiều Calcium lại tăng áp huyết, xương vẫn xốp, và bị sạn đường niệu.

108. Tại sao dùng hormone nhiều có hại thần kinh.

109. Cơ thể cần chất vôi để phát triển xương, tại sao có những người không dùng thực phẩm có chất calcium mà cơ thể vẫn phát triển tốt.

110. Tại sao hút thuốc lá nhiều hại tim, gan, phế, thận.

111. Tại sao cổ họng khô mà không khát nước .

112. Tại sao uống nước xong, có người mắc đi tiểu ngay.

113. Tại sao có người ăn nhiều, mau đói, mà không mập.

114. Tại sao có người uống nước ít lại đi tiểu ra nhiều.

115. Loại nước gì uống vào ít mà đi tiểu ra nhiều, loại nước gì uống vào nhiều đi tiểu ra ít hơn số lượng uống vào.

116. Tại sao có người dùng thuốc ngủ mà vẫn bị mất ngủ.

117. Tại sao cùng một chứng bệnh bón kinh niên , sau khi cho xổ lại càng bị bón hơn.

118. Tại sao có người cơ thể đầu nóng chân lạnh hay ngược lại, chân nóng đầu lạnh, hoặc có bàn tay nóng, hoặc có bàn tay và ngón tay lạnh tê.

119. Nhìn mắt bệnh nhân bị bệnh mãn tính, mắt không có thần, gốc bệnh ở đâu.

120. Tại sao ngủ hay rên, gốc bệnh ở đâu.

121. Tại sao có người ngủ hay nghiến răng, gốc bệnh ở đâu.

122. Nguyên nhân nào mà ngủ hay ngáy.

149. Nguyên nhân nào mà ngủ hay bị chảy nước dãi.

123. lạm dụng thuốc xổ, thuốc an thần, thuốc lợi tiểu hoặc uống nước nhiều từ 3-15l. lít nước mỗi ngày, hậu quả của sự khí hóa ngũ hành ra sao.

124. Tại sao định bệnh và sử dụng huyết điều trị đúng mà kết quả kém.

E- PHÂN BIỆT ÂM DƯƠNG, HƯ THỰC, HÀN, NHIỆT CHỨNG

Câu 125 :

Chọn những dấu hiệu lâm sàng sau đây sắp theo âm, dương, hư, thực, hàn, nhiệt chứng :

1-Mặt trắng mét 2-mặt xanh 3- Mặt tối nhạt 4- Mặt tối sậm 5- Mặt đỏ sậm 6- Mặt ửng đỏ 7- Mặt đỏ hồng, 8-Tinh thần lơ đãng, 9- Tinh thần cuồng táo, 10-lưỡi đỏ sậm, 11-lưỡi khô nứt, 12-lưỡi nhạt rêu trơn, 13-lưỡi rách nát, 14- rêu đen mọc gai, 15-yếu sức mệt mỏi, 16-nóng nẩy bực bội, 17-không thích nói, 18- nói nhỏ yếu, 19-nói to, 20- nói nhiều, 21- la hét, 22- thở yếu nhẹ, 23- thở gấp, mạnh. 24-phân tanh nhão. 25-phân cứng, 26-Tiểu vật nhiều lần nước trong, 27-Tiểu ít nước tiểu đỏ, 28- Mình mát, 29-Chân tay lạnh, 30-Mình nóng , 31- Bụng đau ưa xoa nắn, 32- Bụng đau không ưa xoa nắn. 34- Thích uống nước nóng. 35- thích uống nước mát.

Âm chứng :.....

Dương chứng :.....

Âm hư :

Dương hư :.....

Âm thực :.....

Dương thực :

Thực hàn:.....

Thực nhiệt:.....

Hư hàn :.....

Thực hàn :.....

Câu 126:

Chọn những dấu hiệu lâm sàng phân biệt thành hai chứng âm hư, dương hư :

1-lòng bàn tay, chân nóng, 2- sắc mặt trắng nhợt, 3-chân tay không ấm, 4-tiểu nhiều nước trong, 5-phân lỏng, 6-sốt cơn về chiều, 7-miệng khô, 8-môi đỏ nhợt, 9- môi nhợt, 10-táo bón, 11- tiểu vàng . 12-chất lưỡi nhợt, 13- rêu trắng trơn, 14- chất lưỡi đỏ nhợt.

Âm hư :-----

Dương hư :-----

Câu 127 :

Chọn những dấu hiệu lâm sàng để phân biệt tạng nào hư :

1-Hồi hộp, 2- Đau đầu, 3-Khí nghịch, 4-Hay quên, 5- Ù tai, 6-Run rẩy, 7-Mất ngủ hay mê, 8-Choáng váng, 9- Quáng gà, 10-lưỡi đỏ khô, 11-Lưỡi đỏ nhợt, 12-lưỡi đỏ, 13-Lưng gối mỏi đau, 14-gò má đỏ, 15- sốt nhẹ về chiều, 16-Di tinh, 17-Ngủ kém, 18-Khô miệng 19- mồ hôi trộm, 20-Khàn tiếng, 21- Ho đờm dẻo dính máu.

Tâm âm hư :-----

Can âm hư:-----

Phế âm hư :-----

Thận âm hư :-----

Câu 128 :

Phân biệt chứng khí hư, khí thực theo dấu hiệu lâm sàng sau :

1-Bụng đau thích xoa nắn, 2- Bụng đau sợ xoa nắn, 3-chán ăn, 4- Tiêu chảy, 5-Uạ mửa nấc cục, 6-chân tay lạnh buốt, 7-ợ hôi, 8- Nước chua ở họng.

Khí trường vị hư :-----

Khí trường vị thực :-----

Câu 129:

Phân biệt phế khí hư, thực, theo dấu hiệu lâm sàng sau :

1-thở ngắn, 2- Thở nghẹt, 3-Tức ngực, , 4-Đờm nhiều, 5-Kéo suyễn, 6-Nói yếu, 7-xuất mồ hôi, 8-Xây xẩm, 9- Nằm không yên.

Phế khí hư :-----

Phế khí thực :-----

Câu 130 :

Theo dấu hiệu lâm sàng, phân biệt chứng huyết hư, huyết thực :

1-Hao tân dịch, 2-Huyết ứ tắc, 3-có mồ hôi trộm, 4-Mắt trắng dã không có máu, 5-Da bầm sừng, 6-Môi nhạt, 7-Môi đỏ thâm, 8-Suy nhược, 9- Đau mình. 9- Gân co rút, 10-Mất ngủ, 11-Đêm cảm

thấy nóng, 12-Gân động thịt giật, 13-Hông ngực
tay vai đau, 14-Chân tay co giật rút đau, 15-Giữa
bụng gó thắt đau, 16-Bụng dưới đau như kim
châm một chỗ cố định, 17-đi cầu ra phân đen.

Chứng huyết hư :-----

Chứng huyết thực:-----

Câu 131 :

Phân biệt tạng hư, thực, theo dấu hiệu lâm sàng :

1-Hay bi thương, 2-Cười nói hoài, 3-Mất mồi, 4-
Sườn bụng đau. 5-Âm nang teo, 6-Gân co rút, 7-
Hay giật, 8- Hay sợ, 9-Bụng trướng đầy, 10- Chi
nặng nề, 11-Ăn không tiêu, 12-Mình sưng phù,
13-Hay lo buồn, 14-Bí đại tiện, 15-Thở hụt hơi,
16-Khí nghịch ho suyễn, 17-Da lông không tươi
tốt, 18-Đau tức bụng dưới, 19-Bón giả, 20- Tiêu
hoài, 21- Tiêu chảy về đêm, 22-Hoa mắt, 23-
Lưng đau .

Tâm hư :-----

Tâm thực :-----

Can hư :-----

Can thực :-----

Tỳ hư :-----

Tỳ thực :-----

Phế hư :-----

Phế thực :-----

Thận hư :-----

Thận thực :-----

Câu 132 :

Phân biệt dấu hiệu lâm sàng chứng hàn, chứng nhiệt :

1-Mặt trắng, 2- Mặt xanh, 3- Mặt đỏ, 4-Mắt đỏ, 5- Mắt trắng , 6-Mắt mở lớn, 7- Mắt ứa nhặm, 8- Môi khô nứt, 9-Môi trắng nhợt, 10- Môi đỏ, 11- Môi tím xanh, 12- Môi sưng đỏ, 13-Móng tay xanh tím, 14- Móng tay đỏ tím, 15-Lưỡi nở to, 16-Lưỡi trắng nhạt, 17-Lưỡi cứng sượng, 18- Lưỡi trắng trơn, 19-Lưỡi khô vàng, 20- Lưỡi có gai đen, 21-Đờm lỏng trắng, 22- Đờm vàng đặc, 23- Tinh thần trầm tĩnh, 24- Bức rứt không yên, 25-Ủa nằm co sợ lạnh, 26-Ủa nằm ngửa duỗi thẳng chân, 27-Hay trần trọc lẫn lộn, 28-Nói nhiều, 29- Ít nói, 30- Thở mạnh, 31- Thở khẽ, 32- Tiêu chảy, 33- Bón phân khô hòn cục, 34- Tiểu nhiều nước trong, 35- Tiểu ít, đỏ. 36- Không khát, 37-Thích uống mát, 38- Thích uống nóng, 39- Chi lạnh, 40- Chi nóng, 41- Bụng lạnh đau, 42- Bụng đau nổi gò cục.

Chứng hàn :-----

Chứng nhiệt :-----

Câu 133 :

Chọn câu đúng.

Lục dâm xâm phạm từ dương vào phần vinh làm ra hôn mê, răng nghiến chặt, hai tay nắm chặt, đờm dãi chặn cổ họng, gọi là chứng gì :

a : Âm bế

b: dương bế

Câu 134 :

Chọn những dấu hiệu lâm sàng sau đây để phân loại theo chứng :

- 1-Bệnh ở da, lông, kinh, lạc.
- 2- Bệnh ở tạng phủ,
- 3- ớn lạnh, phát nóng, đau đầu, mình, tay chân,
- 4-Nóng dữ dội hôn mê, ngực bụng tức đau, khát.
- 5-Rêu trắng mỏng. 6-Rêu vàng hoặc nám đen.

Biểu chứng :-----

Lý chứng :-----

Câu 135 :

- 1-Phát nóng ớn lạnh không mồ hôi.
- 2-Sợ lạnh, không khát, ói mửa, tiêu chảy.
- 3- Chi lạnh.
- 4-Rêu trắng mỏng ướt.
- 5- Rêu trắng nhạt.

Biểu hàn :-----

Lý nhiệt :-----

Câu 136 :

- 1-Phát nóng.
- 2- Miệng khát.
- 3-Sợ gió mình nóng,
- 4-Ít nước miếng.
- 5-Có mồ hôi hoặc không.
- 6-Mất môi đỏ.
- 7- Tâm phiền muộn.

Biểu nhiệt :-----

Lý nhiệt :-----

Câu 137:

1-Tự ra mồ hôi. 2- Sợ gió. 3-Yếu sức. 4- Ít nói. 5- Chi lạnh. 6-lả lỏng, 7- Hòi hóp. 8-Xây xẩm. 9- Lưỡi nhạt rêu trắng. 10-Lưỡi bệu trắng.

Biểu hư :-----

Lý hư :-----

Câu 138 :

1- Da lông không ra mồ hôi. 2-Thở to, nói nhỏ. 3- Bụng đầy. 4-Táo bón, 5- Chi ra mồ hôi. 6-Rêu trắng. 7- Lưỡi cứng sượng. 8- Rêu vàng khô.

Biểu thực :-----

Lý thực :-----

Câu 139:

Chọn câu đúng :

1-Nội nhiệt thêm cảm phong hàn. 2-Phong hàn để nhập vào lý hó nhiệt. 3-Sốt sợ lạnh. 4-không mồ hôi. 5-Đau mình mảy. 6- Thở suyễn do hàn. 7- Phiền táo, khát nước, bón.

a-Chúng biểu hàn lý nhiệt :-----

b-Biểu nhiệt lý hàn.:-----

Câu 140 :

Chọn câu đúng .

1-Tỳ vị hàn. 2-Cảm nhiệt. 3- Ăn nhiều thứ mát hàn. 4-Sốt đau đầu. 5- Sợ gió. 6-Tiêu chảy. 7- Chân tay lạnh. 8- Không khát.

a-Chúng biểu hàn lý nhiệt :-----

b-Biểu nhiệt lý hàn:-----

Câu 141 :

Chọn câu đúng.

1-Tà khí thực, chính khí hư. 2-Trung khí bất túc, 3-Cảm hàn. 4-Sợ lạnh. 5-Sốt không mồ hôi. 6-Kém ăn. 7- Yếu đuối. 8-Mệt mỏi.

a-Biểu thực lý hư:-----

b-Biểu hư lý thực:-----

Câu 142 :

Chọn câu đúng .

1-Nhiễm cảm. 2-sợ gió. 3-Ra mồ hôi. 4-Đau bụng. 5-Táo bón.

a-Biểu thực lý hư :-----

b-Biểu hư lý thực:-----

F-ĐỊNH BỆNH,VỀ BIỂU ĐỒ,TÌM NGUYÊN NHÂN.CÁCH CHỮA VƯỢT HUYỆT :

143.Rối loạn tiêu hóa, ỉa chảy nước trong,ăn uống không tiêu, chân tay lạnh, mình nặng nề.

144.Viêm nhiễm gan,mật,ruột,tiểu ít, nước tiểu vàng,đau bụng, môi đỏ

145.Người suy gầy, sắc mặt vàng héo, hơi phù,suy dinh dưỡng,chân tay lạnh, ăn không tiêu,ỉa chảy, ứa nằm, ít hoạt động.

146.Có nước trong ổ bụng làm bụng to khó thở,nặng ngực, chân tay gầy ốm,cử động nặng nề.

147.Co thắt khí quản,dị ứng, không khát, lưỡi trắng trơn, ngực sườn đau tức không nằm ngửa được, nặng mí mắt.

148.Sốt cao,mặt đỏ, hai gò má đỏ,khát nước, họng đỏ đau, đại tiểu tiện khó, đờm đặc có khi lẫn máu, ho đau ran ngực ra sau lưng

149.Thở khẽ, tiếng nói yếu thấp,thường ra mồ hôi, cổ khô, mặt trắng nhợt, da khô nhăn, thiếu hô hấp.

150.Suyễn, ngực đầy, ngẩng đầu lên mới thở được, sườn ngực đau.

151.Di tinh ,ù tai, răng lung lay,đau lưng đùi ê ẩm, liệt dương ,ho lâu ngày, nóng về đêm, đở mồ hôi trộm,người gầy còm,miệng khô, họng đau, tiểu ít, huyết áp tăng.

152.Hai chân lạnh, mồ hôi tự ra nhiều,hay đi ỉa lúc gần sáng,bụng đầy tức, sắc mặt xám đen, gầy yếu, áp huyết thấp.

153.Phát sốt,sợ lạnh,đau đầu.

154.Phát sốt ít, sợ rét nhiều,đau mình mảy,miệng khô khát, đau đầu, không có mồ hôi,mạch đập mạnh.

155.Sốt nhiều có mồ hôi, sợ gió, nặng đầu, khô miệng, khát nước, ho, họng đỏ đau, tiểu vàng, rêu lưỡi mỏng.

156.Sợ rét,phát nóng, mình nặng nề, đau ê ẩm, đầu nặng, nghẹt mũi, mắt hơi vàng, đau nhức cơ xương.

157. nước màng phổi, ngực sườn đầy tức, hoa mắt, tâm động, hơi thở ngắn mà ho, rêu lưỡi trơn không khát

158. Phù nề tay chân, mặt, bụng

159. Phù, người khỏe, mạch mạnh, phát nóng muốn uống nước.

160. Phù, người yếu, mạch yếu, đại tiện không thông.

161. Nhức đầu, bức rứt, sốt cao, da thịt nóng như lửa, sợ nóng, không ra mồ hôi, khát, uống nước nhiều.

162. Nhức đầu, sốt cao, sợ lạnh, chân tay đau nhức, da nóng mà không ra mồ hôi.

163. Vẽ một biểu đồ bệnh thực nhiệt. Có bao nhiêu trường hợp?

Tìm nguyên nhân theo Tinh-Khí-Thần.

Dấu hiệu lâm sàng theo tứ chẩn.

Dấu hiệu lâm sàng theo huyệt.

Phương pháp chữa bằng huyệt.

Phương pháp điều chỉnh ăn uống.

Phương pháp chữa bằng tập luyện khí công.

G- CÁCH CHỮA BỆNH NHIỆT BẰNG HUYỆT VINH-HỢP :

1.Cần cho uống nước nhiều để giải nhiệt bên trong trước khi châm cứu.

2.Cần tả Vinh huyết cho xuất mồ hôi sẽ khỏi.

3.Trước lấy Vinh huyết ở trên kinh dương bên trái (bên nhân nghinh) để tả dương tà,sau mới tả Vinh huyết ở trên kinh âm (bên trái) để dưỡng âm khí.

4.Sau bỏ Hợp huyết trên kinh âm bên phải (bên khí khẩu) để chữa bệnh nhiệt.

5.Muốn biết cần phải tả và bỏ kinh nào để chữa bệnh nhiệt phải khám theo dấu hiệu lâm sàng và sắc khí, màu sắc tươi sáng là bệnh còn nhẹ mới phát, màu sắc sậm tối là bệnh nặng.

Kinh bệnh :

Can nhiệt :

Má bên trái đỏ trước (mộc sinh hỏa khắc kim)

Tâm nhiệt :

Mắt, mặt đỏ trước (mộc và hỏa đều thực)

Tỳ nhiệt :

Mũi đỏ trước (hỏa Tỳ truyền nghịch lên tâm)

Phế nhiệt :

Má bên phải đỏ trước (phế bị phong tà)

Thận nhiệt :

Cổ và cằm đỏ trước (Vệ khí BQ.nhiễm tà nhiệt hại thận.)

Bệnh nguy hiểm đến tánh mạng trong trường hợp tà khí xâm nhập vào sâu trong kinh dương (đi từ nhất dương là kinh thiếu dương thuộc biểu, truyền vào nhị dương là kinh dương minh ở lớp bán biểu bán lý, sau truyền vào tam dương là kinh thái dương thuộc lý, đó là hai kinh Tiểu trường và Bàng quang, như vậy là các kinh dương đều đã bị bệnh, mà lại gặp thêm chứng bệnh của hai kinh tam âm là kinh Can và Tâm bào, là tà khí cũng đã xâm nhập vào từ nhất âm, sang nhị âm đến tam âm). Cả hai tà cực âm cực dương tương tranh, khiến cơ thể lúc nóng lúc lạnh, xuất mồ hôi lúc nóng lúc lạnh, nếu kinh Quyết âm can mộc thắng Tỳ Vị thổ thì chính khí tỳ vị suy bại, can mộc tà truyền ngược vào thận thủy là chết. Nguyên nhân do không biết bệnh đang ở kinh nào, chỉ chữa ngọn nên bệnh truyền sâu vào trong đủ 12 kinh nhiễm bệnh.

Bài tập mẫu :

Cách chữa bệnh Can nhiệt.

1.Theo cách chữa trên, dùng vinh huyết của kinh dương là Đờm, tả Hiệp khô bên trái , rồi tả vinh huyết của kinh can bên trái là Hành gian.

2.Bổ hợp huyết kinh Can bên phải là Khúc tuyền.

Bài tập : Cách chữa bằng vinh, hợp huyết.

164-Cách chữa tâm nhiệt.

165- Cách chữa Tỳ nhiệt.

166- Cách chữa Phế nhiệt.

167. Cách chữa Thận nhiệt .

Chữa bằng cách vuốt huyết :

168-Chữa tâm nhiệt

169-Chữa can nhiệt

170-Chữa tỳ nhiệt

171-Chữa phế nhiệt

172-Chữa thận nhiệt

173-Chữa tâm hư

174-Chữa can hàn

175-Chữa tỳ hàn

176-Chữa phế hàn

177-Chữa thận hàn

178-Chữa tâm thực

179-Chữa can thực

- 180-Chữa tỳ thực
- 181- Chữa phế thực
- 182-Chữa thận thực
- 183-Chữa can hư
- 184- Chữa tỳ hư
- 185-Chữa phế hư
- 186-Chữa thận hư

H- XẾP DẤU HIỆU LÂM SÀNG CỦA CHỨNG VÀ BỆNH :

187-Do *chứng tam dương thực nhiệt* bởi ba kinh Vị, Đởm, Bàng quang đều nhiệt kết khí ở gan làm ra bệnh gì ?

- a-Can nhiệt
- b-Vị nhiệt
- c-Đởm nhiệt
- d-Bàng quang nhiệt
- e-Chai gan.

188-Do *chứng tam âm thực hàn* bởi ba kinh Can, Tỳ, Thận đều hàn kết khối u ở bụng dưới làm thành bệnh gì ?

- a-can hư hàn
- b-tỳ hư
- c-thận hàn
- d-bướu tử cung

Bệnh cao áp huyết :

Có thể do nhiều chứng khác nhau làm ra bệnh như *a-chứng can hỏa vượng, b-chứng can phong nội động, c-chứng dương cương can nhiệt thịnh, d-chứng âm hư dương cương, e-chứng can thận âm hư, f-chứng âm dương lưỡng hư...*

189-Đầu nóng hơn chân, đầu căng đau,váng đầu, buồn bực, dễ cáu giận, họng khô khát nóng, thích uống mát, bón, tiểu vàng, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, thuộc chứng gì ?

a b c d e f

190-Đầu căng đau,váng, miệng họng khô, dễ cáu giận,mỏi lưng gối, sắc lưỡi đỏ, rêu khô, thuộc chứng gì ?

a b c d e f

191-Chóng mặt hoa mắt, hay quên, mất ngủ, lưng gối nhức mỏi, kinh nguyệt không đều, bón, lưỡi đỏ, rêu ít, thuộc chứng gì ?

a b c d e f

Trong trường hợp một bệnh có một chứng , cần **phân biệt bệnh do tạng hay phủ nào** bị hư, bị thực, bị hàn, bị nhiệt, và nguyên nhân do tinh hay khí hay thần làm ra, dấu hiệu lâm sàng thuộc chứng nào và cuối cùng cần phải truy tìm nguyên nhân gốc phát bệnh do tạng phủ nào đã tạo ra chứng ấy, bệnh ấy, mới có được cách chữa đúng.

Bệnh ngoại cảm :

Dấu hiệu lâm sàng chung : sốt, nghẹt mũi, chảy nước mũi, ho, đau mình mẩy.

Thêm các dấu hiệu lâm sàng riêng biệt của mỗi chứng khác nhau sẽ tạo ra chứng khác nhau như *a-Do chứng phong hàn ,b-Do chứng cảm lạnh mùa hè, c-Do chứng ngoại hàn, nội nhiệt. d-Do chứng phong hàn giáp thấp. e-Do chứng phong nhiệt .*

Hãy chọn đúng chứng cho các câu sau :

192-Thêm dấu hiệu sợ lạnh, không mồ hôi, đờm trắng loãng, rêu lưỡi trắng mỏng trơn, do chứng gì ?

a b c d e

193-Thêm dấu hiệu sợ gió, họng khô đau, đờm dính, đổ mồ hôi, đầu lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, do chứng gì ?

a b c d e

194-Thêm dấu hiệu đầu đau căng,người nóng
hâm hấp, chân tay mỏi nặng nề, bụng trướng
hoặc đau bụng đi cầu, rêu lưỡi trơn,do chứng gì ?

a b c d e

195-Sốt sợ lạnh, không mồ hôi, miệng khát, nước
tiểu vàng,rêu lưỡi vàng mỏng.Do chứng gì ?

a b c d e

196-Sợ lạnh không ra mồ hôi ,đầu mình đau,
họng khô đau, đờm dính.Do chứng gì

a b c d e

Bệnh viêm phế quản:

Dấu hiệu lâm sàng chung : Sốt, ho đờm.
Thêm dấu hiệu riêng tạo ra chứng riêng như :

- a-Do chứng phong hàn .
- b-Do chứng phong nhiệt .
- c-Do chứng phế hư hàn giáp đờm ẩm .
- d-Do chứng khí hư đờm trọc .
- e-Do phế uẩn nhiệt đờm .
- f-Do chứng âm hư (phế thận) :

1977-Gặp gió lạnh ho nhiều,đờm trắng trong
loãng,sợ lạnh,đầu và chân tay đau nhức, miệng
nhạt không khát,lưỡi đỏ nhạt, rêu lưỡi trắng
trơn.Do chứng gì ?

a b c d e

198-Sợ gió,đờm dính, họng khô đau, đầu lưỡi
đỏ.Do chứng gì ?

a b c d e

199-Gặp gió thì ho,đờm trắng loãng có bọt, tức
ngực, miệng nhạt không khát,thích uống nóng,
dễ ra mồ hôi, rêu lưỡi trắng trơn.Do chứng gì ?

a b c d e

200-Tiếng ho nhỏ, ho kéo dài,khi ho hoặc hoạt
động thì toát mồ hôi, thở ngắn, tức ngực, ăn ít,
lưỡi nhạt, rêu dính nhớt.Do chứng gì ?

a b c d e

201-Ho gấp, đờm vàng dính, miệng khô, tức
ngực,chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng.Do chứng gì ?

a b c d e

202-Ho khan không đờm hoặc ít đờm, họng, miệng khô ráo, chân tay nóng, lưng gối nhức mỏi, đần ông di tinh, lưỡi đỏ nhạt rêu lưỡi ít.Do chứng gì ?

a b c d e

Bệnh hen phế quản :

Là bệnh dị ứng của phổi, đông y gọi là bệnh hao , nguyên nhân do đờm trọc tích lũy trong phổi lâu ngày dẫn đến phế, tỳ, thận hư lại do thời tiết thay đổi, do ăn uống bị dị ứng,hay do hút thuốc uống rượu hoặc làm việc quá mệt nhọc, lúc lên cơn thở khò khè, gấp gáp như suyễn, nằm giữa khó thở, khác đờm.Đông y phân biệt thành các chứng sau :

- a- Do chứng hàn .*
- b- Do chứng đờm nhiệt .*
- c- Do chứng đờm trọc.*
- d- Do chứng khí hư'.*
- e- Do chứng dương hư'*
- f- Do chứng âm hư'.*

203-Suyễn phát đột ngột, thở gấp, khó, có tiếng kéo đờm, khạc đờm trắng loãng,sốt, sợ lạnh,không khát, chảy nước mũi trong,đau nhức mình, chất lưỡi nhạt, rêu lưỡi trắng.Do chứng gì ?

a b c d e f

204-Trời nắng hoặc ở nơi nóng bị tức ngực khó thở, thở gấp, đờm vàng dính, miệng khát, buồn bực, bón, lưỡi đỏ ,rêu vàng nhẵn.Do chứng gì ?

a b c d e f

205-Khi lên cơn đờm khò khè trong cổ,tức ngực, bụng, sườn, buồn nôn, không nằm được, reo lưỡi trắng dính.Do chứng gì ?

a b c d e f

206-Hơi thở ngắn,nói nhỏ ,ăn uống kém, sau khi ăn sinh bụng, ho đờm trắng, tự xuất mồ hôi, lưỡi nhạt.Do chứng gì ?

a b c d e f

207-Khi vận động thì thở khò khè, ho đờm trong, loãng, sợ lạnh, chi lạnh, tiểu nước trong nhiều,lưỡi nhạt bóng,rêu trắng trơn.Do chứng gì ?

a b c d e f

208-Bàn tay chân nóng, ho đờm ít mà dính, họng ráo miệng khô, thở khò khè, buồn bực,chất lưỡi đỏ.Do chứng gì ?

a b c d e f

I- NGOẠI CẢM LỤC DÂM

209-Bốn mùa cảm mạo là do thời tiết khí hậu tạo ra khí phong, khí hàn, khí thử, khí thấp, khí táo, khí nhiệt, làm tổn thương bì phu cơ nhục, xâm nhập vào đường kinh thái dương bàng quang, có dấu hiệu chung khi khám lâm sàng như :nhức đầu, phát nóng, đau mình, nghẹt mũi, thở khò khè, ho, nhưng để phân biệt bệnh thuộc loại tà khí nào gây ra còn có các dấu hiệu riêng :

a-Tay chân móp lạnh, hơi thở ra lạnh. b-ho, sổ mũi, thở khò khè. c-mình nặng nề, đau mỏi xương gân. d-mình nóng, môi miệng khô khát. e-ho, khí nghịch, ói khan.

Bệnh phong hàn :-----

Bệnh phong nhiệt :-----

Bệnh thấp khí :-----

Bệnh thử nhiệt :-----

Bệnh thử thấp :-----

210-Bệnh lục dâm gây ra : a-nhức đầu, cứng đau cần cổ và cột sống, ớn lạnh, không mồ hôi. b-môi miệng khô thích ngậm nước lạnh, nóng trong cơ nhục. c-mặt mắt xây xẩm,miệng đắng, tai lùng bùng, nôm mửa, đau sườn, nóng lạnh sốt rét.

Chứng của kinh Thái dương bàng quang :-----

Chứng của kinh Dương minh vị :-----

Chứng của kinh Thiếu dương đờm :-----

--

Câu 211:

Dương phong hay ngoại phong xâm nhập vào cơ thể từ kinh đờm làm hại gan gây ra bệnh Thương Phong rồi mới truyền sang kinh khác, có nhiều dấu hiệu khác nhau như : a-bón, trướng bụng, chóng mặt. b-co giật bất tỉnh, trợn mắt, cứng gáy, hàm. c-dị ứng nổi mề đay như hạt vừng. d-mề đay đỏ. e-mề đay tái đi tái lại nhiều năm. f-vừa sốt vừa rét, nóng lạnh, đau đầu, nghẹt hoặc chảy nước mũi, gặp gió ho nhiều đờm trắng loãng.

Chứng phong nhiệt :-----

Chứng phong chẩn :-----

Chứng phong giản :-----

Chứng cảm phong hàn :-----

Chứng mề đay do khí huyết hư :-----

Chứng mề đay do gan nhiệt-----

Câu 212 :

Chứng tý là do ba chứng phong, hàn, thấp, hợp lại làm đau, có các dấu hiệu như : a-sưng đau tê

mỏi bắp thịt, gân, xương. b-gù lưng, suyễn, hồi hộp.

Tà khí nhập biểu :-----

Tà khí nhập lý :-----

Câu 213 :

Phân biệt chứng phong, ngoại là phong của lục dâm do thời tiết khí hậu xâm nhập vào cơ thể, tùy theo âm thắng hay dương thắng như ngoại phong hàn hoặc ngoại phong nhiệt, hoặc trong cơ thể có sẵn hàn hay nhiệt như người có tạng hàn thường bị bệnh phong hàn, tạng người nhiệt thường bị bệnh phong nhiệt. Hãy phân biệt dấu hiệu lâm sàng để xếp loại chứng nào, như : a-tà khí xâm nhập từ da lông vào phế ,lỗ chân lông mở, ho, sợ lạnh, sổ mũi, đàm lỏng, lưỡi có rêu trắng, tiểu nhiều, không khát, mình mát hoặc lạnh. b-tà khí xâm nhập từ miệng mũi vào phế khiến cho ghét không sợ lạnh, miệng khô, đau cổ, nhức đầu, mình nóng, khát nước.

Chứng phong hàn :-----

Chứng phong nhiệt :-----

Câu 214 :

Tà khí lục dâm xâm nhập vào những kinh nào :Chọn những câu đúng.

a-Kinh thái dương Bàng quang.

b-Kinh Dương Minh Vị.

- c-Kinh thủ thiếu dương Tam tiêu.
- d-Kinh túc thiếu dương Đờm.
- e-Kinh thủ thái âm phế.
- f-Kinh túc Quyết âm Can.

Câu 215:

Kinh nào tạo ra vệ khí bảo vệ cơ thể : Chọn những câu đúng .

- a-Túc dương minh vị kinh.
- b-Túc quyết âm Can kinh.
- c-Thủ thái âm phế kinh.
- d-Túc thiếu dương đờm kinh.
- e-Túc Thái dương Bàng quang kinh.
- f-Thủ thiếu dương tam tiêu kinh.

Câu 216 :

Chọn xếp những dấu hiệu bệnh vào đúng chứng :

- a-nhức đầu cứng cần cổ, ớn lạnh. b-miệng môi khô, nóng trong da thịt. c-sổ mũi ho khò khè. d-chân tay móp lạnh. e-ho khí nghịch ói khan. f-mình nặng nề đau mỏi xương gân. g-xây xảm, miệng đắng tai lưng bùng. h-bón, trướng bụng, chóng mặt. i-dị ứng nổi mề đay như hạt vừng. j-vừa sốt vừa rét, gặp gió ho nhiều. k-mình nóng miệng môi khô khát. l-gù lưng suyễn, hồi hộp. m-co giật bất tỉnh, trợn mắt, cứng gáy. n-mề đay đỏ. o-mề đay tái đi tái lại nhiều năm. p-tà khí lục đâm xâm nhập vào phế qua lỗ chân lông. q-tà khí lục đâm xâm nhập vào phế qua mũi miệng.

Chứng cảm phong hàn :-----
Chứng cảm phong nhiệt :-----
Chứng phong chẩn :-----
Chứng thử nhiệt :-----
Chứng khí huyết hư :-----
Chứng gan nhiệt :-----
Chứng tý nhập biểu :-----
Chứng tý nhập lý :-----
Chứng phong chẩn :-----
Chứng phong giản :-----
Chứng thử thấp :-----

Chứng thấp :-----

Câu 217 :

Vệ khí từ đâu mà có ? Chọn những câu đúng.

- a-Từ thủy khí hạ tiêu thuộc bàng quang do hỏa khí chuyển hóa thành tân dịch.
- b-Do phế khí bảo vệ da lông.
- c-Do vị khí tạo ra.
- d-Do thân khí tạo ra.

Câu 218:

Sợ lạnh, mặc áo trùm chăn mấy lớp cũng vẫn lạnh, do kinh nào hư ?

- a-Kinh phế.
- b-Kinh Vị
- c-Kinh Bàng quang
- d-Kinh Tâm.

Câu 219 :

Tại sao thời tiết làm ho ,nghẹt mũi, ỏi khan, đau mình mẩy ? Chọn những câu đúng

a-Do tà khí xâm nhập phần vệ, dương khí trong thân không thông ra được ngoài da thành khí nghịch lên họng phát ra tiếng ho.

b-Do dương khí uất kết đẩy nước lên thượng tiêu thành ho , nghẹt mũi và ỏi khan.

c-Do phế khí làm ho.

d-Do tỳ khí hư làm đau mình mẩy.

Câu 230 :

Hàn tà xâm phạm phần vệ có hai trường hợp xảy ra khác nhau :

a-người phát sốt trước rồi cảm thấy ớn lạnh.

b-người thấy ớn lạnh ngoài da trước ít ngày mới phát sốt sau.

Do dương khí bệnh nhân đã suy yếu :-----

Do dương khí bệnh nhân chưa suy yếu :-----

Do dương khí bệnh nhân còn khỏe :-----

Câu 231 :

Truyền lý biến nhiệt là gì ?. Chọn câu đúng.

a-Là hàn tà từ biểu vào lý .

b-Mới bị cảm lạnh hoặc người ớn lạnh, không chữa kịp thời vài ngày sau mới phát sốt.

c-Là nhiệt tà từ biểu vào lý.

Câu 232 :

Phân biệt bệnh nóng sốt do tà khí nào gây ra, như :

a-Mùa đông, nguyên khí suy, tà khí hàn làm tổn thương bì phu.

b-Người tạng hàn sẵn ẩn phục trong người, lại bị nhiễm cảm hàn.

c-Người tạng nhiệt sẵn ẩn phục trong người, lại bị nhiễm cảm nhiệt.

d-Phong xâm nhập qua da lông bị hở.

e-Phong xâm nhập qua mũi miệng.

f- Cảm nhiệt mùa xuân.

Chứng phong hàn mùa đông (thương hàn);-----

Chứng cảm phong nhiệt :-----

Chứng thương phong tạng hàn :-----

Chứng thương phong tạng nhiệt :-----

Chứng xuân ôn :-----

Câu 233 :

Bệnh ôn nhiệt là khí hậu ôn hòa của mùa xuân, khí hậu nhiệt của mùa hạ, giao thời giữa hai mùa gây ra khí bất thường làm bệnh ôn-nhiệt ẩn phục trong cơ thể lâu ngày làm yếu hệ thống vinh-vệ (chức năng nuôi dưỡng và bảo vệ cơ thể), đến

mùa hạ gặp tà nhiệt xâm nhập sinh phát nóng sốt, nhức đầu, đau mình, miệng nóng khô khát, không sợ lạnh. Bệnh giống như bệnh thương hàn, nhưng điểm khác nhau để phân biệt hai bệnh qua những dấu hiệu lâm sàng như :

- a-Cần cổ cứng đờ.
- b-Nóng sốt sợ lạnh.
- c-Mũi nghẹt.
- d-Nóng sốt không sợ lạnh.
- e-Miệng nóng khô khát.

Bệnh thương hàn :-----

Bệnh ôn nhiệt :-----

Câu 234 :

Phân biệt bệnh thương phong và phá thương phong qua những dấu hiệu lâm sàng sau : a-bì phu bị đứt rách cân mạch. b-ung nhọt ghẻ lở, c-đàn bà băng huyết. d-da lông hở. e-trong người sẩn hàn tà hoặc nhiệt tà ẩn phục. f- huyết khô làm co rút

gân tay chân, lưng rút cong. g-phát nóng sợ lạnh. h-răng cắn chặt, tay chân rung giật. i-sở mũi, ho , sợ lạnh, không khát. j-ghét nóng sợ lạnh đau cổ miệng khô khát.

Bệnh thương phong nhiệt :-----

Bệnh thương phong hàn :-----

Bệnh phá thương phong :-----

Câu 235 :

Phân biệt tình trạng bệnh

a-Thương phong nhiệt,

b-Thương phong hàn.

c-Phá thương phong.

Bệnh thuộc biểu :-----Bệnh thuộc lý :-----

Bệnh bán biểu bán lý :-----

Câu 236 :

Truyền kinh biến chứng có dấu hiệu lâm sàng như

:

a-nóng nhiều, khát nước, miệng lưỡi khô nứt. b-

ưa nôn mửa. c-nóng sốt mê man.

Do tà nhiệt vào vị nhiệt :-----

Do vị khí nghịch :-----

Do tâm vị thực nhiệt :-----

Câu 237 :

Dấu hiệu lâm sàng như :

a- Bức rút không yên.

b- Tâm thần rối loạn.

c- Phát cuồng nói xàm.

d- ại tiện khô bón.

e- Tiểu tiện đở, ít.

Do tà nhiệt cực thịnh kết ở vị :-----

Do vị cực nhiệt sinh phế bị táo nhiệt :-----

Do tà nhiệt xông tâm phế :-----

Câu 238 :

Chọn những nguyên nhân đúng qua dấu hiệu lâm sàng : người bức rứt phiền muộn không yên.

a-Do thanh khí không thăng, trọc khí không giáng.

b-Do biểu chưa giải, lý chưa hòa.

c-Thủy hỏa ly cách bất giao.

Câu 239 :

Tại sao sau khi ăn đêm bứt rứt không ngủ được ?

Chọn những nguyên nhân đúng :

a-Do tâm hỏa vượng .

b-Do vị táo nhiệt quá.

c-Do đởm nhiệt.

d-Do can nhiệt .

Câu 240 :

Chọn những câu đúng .Triều nhiệt (hai nhiệt gặp nhau cùng làm ra bệnh) làm bụng đầy đau là do :

a-Nhiệt tà truyền lý, từ ba kinh dương vào tỳ.

b-Vị tích nhiệt hại tỳ.

c-Trường vị uất nhiệt.

d-Phế tỳ nhiệt .

Câu 241 :

Hàn nhiệt vãng lai, khi lạnh khi nóng, là do :

a-Bệnh thuộc biểu .

b-Bệnh ở lý.

c-Bệnh thuộc bán biểu bán lý.

d-Bệnh thuộc kinh thái dương.

e-Bệnh thuộc kinh Dương minh.

f-Bệnh thuộc kinh thiếu dương .

Câu 242 :

Dấu hiệu lâm sàng như khí ủng, uất nhiệt xông lên đầu làm xây xẩm, tai lùng bùng, miệng đắng, hay mưa, là bệnh thuộc kinh nào ?

a-Kinh thái dương.(Bàn quang, Tiểu trường)

b-Kinh Dương minh.(Vị , Đại trường)

c-Kinh thiếu dương.(Đởm, Tam tiêu)

Câu 243 :

Chọn những câu đúng. Thân mình đau nặng nề là do :

a-Phong tà.

b-Hàn tà

c-thử tà

d-Thấp tà

e-Nhiệt tà

d-táo tà

Câu 244 ;

Chọn những câu đúng .Thân mình đau nặng nề là do :

a-Khí huyết không thông.

b-Phong và thấp vào ba kinh dương.

c-Hàn khí ủng tắc.

d-Phù thũng.

Câu 245 :

Chọn câu đúng . Cổ họng đau khô khát do kinh nào bệnh ?

a-Do kinh thái âm phế.

b-Do kinh thiếu âm tâm.

c-Do kinh Dương minh vị.

d-Do kinh thiếu âm thận.

Câu 246 :

Bệnh đau cổ họng do nguyên nhân nào ?

a-Do tâm thận bất giao.

b-Do tà nhiệt từ biểu vào lý .

c-Do tà nhiệt từ ba kinh dương truyền vào kinh thiếu âm tâm thận.

Câu 247 :

Đau bụng đi cầu ra nước trong xanh, lợn cợn tanh hôi, do tà khí truyền vào kinh nào? Hàn tà hay nhiệt tà ?

- a-Tà khí truyền vào Đại trường.
- b-Tà khí truyền vào trường vị.
- c-Tà khí truyền vào thiếu âm thận và thái âm tỳ.
- d-Hàn tà.
- e-Nhiệt tà.

Câu 248 :

Lý luận ngũ hành tìm nguyên nhân bệnh :

- a-Tà nhiệt vào thận thủy, vào tỳ thổ tương khắc tạo uất nhiệt .
- b-Tỳ thổ nhiệt truyền cho con là kim , đại trường , cũng bị nhiệt.
- c-Kim nhiệt truyền sang thủy nhiệt, nhiệt khí xông lên họng.
- d-Vị nhiệt tạo khí nghịch xông lên tâm.
- e-Nhiệt độc kết nơi trường vị.

Đau bụng đi cầu lỏng :----- Đau họng khát nước :-----

Câu 249 :

Lý do làm ngán nghẹn ngực khó thở ? Chọn 1 câu đúng nhất.

- a-Tà khí đang ở biểu không giải biểu mà cho hạ nên nhiệt kết nơi hung cách.
- b-Bụng cứng đầy do hỏa uất.
- c-Trung tiêu tắc thủy hỏa bất giao.
- d-Do khí nghịch.

Câu 250 :

Lưỡi và âm nang bị co rút do tà nhiệt truyền vào kinh nào ? Chọn 1 câu đúng .

- a-Kinh đại trường.
- b-Kinh tâm.
- c-Kinh can.
- d-Kinh thận.
- e-Kinh đởm.
- f-Kinh tiểu trường.

Câu 251 :

Tại sao lưỡi và âm nang bị co rút ? Chọn những câu đúng .

- a-Do hỏa tà thiêu can.
- b-Can tạng thông ra gốc lưỡi và âm nang, bị
- c-Trường vị tảo nhiệt kết tụ làm khô kiệt tân dịch.
- d-Cả ba câu đều đúng.

Câu 252 :

Miệng lưỡi khô nứt, da khô,táo khát, thường ra mồ hôi, là dấu hiệu của :

- a-Tà nhiệt truyền tâm.
- b-Tà nhiệt truyền vị ,thành thực nhiệt.

- c-Can vị thực nhiệt.
- d-Tâm hư.
- e-Tâm vị thực nhiệt.
- f-Tâm can thực nhiệt.

Câu 253 :

Ban đêm thường nằm mê ,nóng mê man trong thời gian hành kinh, ban ngày đau đầy hơi nơi bụng dưới.

Chọn những câu đúng :

- a-Do uất hỏa và huyết ứ nơi bào cung.
- b-Do tà nhiệt nhập huyết phân.
- c-Do tam tiêu nhiệt.
- d-Do tâm hỏa vượng.

Bài ôn tập thực hành cuối khóa

- 1-Cách chữa bệnh cao áp huyết.
- 2-Cách chữa bệnh tiểu đường.
- 3-Cách chữa bệnh nhức đầu.
- 4-Cách chữa bệnh chóng mặt.
- 5-Cách chữa bệnh cấp cứu ngất xỉu.
- 6-Cách chữa bệnh đau tay không dơ lên được.
- 7-Cách chữa bệnh cảm.
- 8-Cách chữa bệnh đau lưng.
- 9-Cách chữa bệnh đau đầu gối.Nguyên nhân đau đầu gối.
- 10.Cách chữa bệnh khó thở.
- 11-Cách chữa bệnh ăn không tiêu.
- 12-Cách chữa bệnh mất trí nhớ.
- 13-Cách chữa bệnh rối loạn tiền đình, mất thăng bằng.
- 14-Cách chữa bệnh sa ruột.
- 15-Cách chữa bệnh tâm hư.
- 16-Cách chữa bệnh tâm thực.
- 17-Cách chữa bệnh tâm lão suy.
- 18-Cách tăng hỏa.
- 19-Cách hạ hỏa.
- 20-Cách tăng nhiệt.
- 21-Cách chữa bệnh tiêu hóa, kém hấp thụ và chuyển hóa.
- 22-Cách chữa bệnh táo bón.
- 23-Cách chữa bệnh mất ngủ.

- 24-Cách vuốt chuyển hóa chủ động tăng hỏa.
- 25-Cách vuốt dương vào âm chữa bệnh hay tiêu nhiều.
- 26-Cách vuốt âm ra dương tăng cường vệ khí.
- 27-Cách vuốt bổ huyết.
- 28-Cách vuốt bổ khí.
- 29.Cách thở thu dương.
- 30-Cách thở thu âm.